**PHỤ LỤC IV**

TÍNH GIÁ THÀNH CỦA DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THEO PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỔ CHI PHÍ*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 21/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**1. Giá thành toàn bộ của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được xác định theo công thức sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá thành toàn bộ của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh | = | Chi phí nhân công (CP1) | + | Chi phí trực tiếp (CP2) | + | Chi phí quản lý (CP3) | + | Chi phí khấu hao (CP4) |

Trong đó, mỗi chi phí được chia thành các nhóm chi phí dưới đây.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chi phí** | **Cách xác định** |
| **I** | **Chi phí trực tiếp** |  |
| 1 | Thuốc, hóa chất, vật tư để thực hiện dịch vụ | Chi phí thuốc, vật tư, hóa chất và khác (thuộc nhóm này) tại bước 2 khoản 2 Phụ lục này |
|  | Nhóm thuốc |  |
|  | Nhóm hóa chất, nguyên liệu, vật liệu |  |
|  | Nhóm thiết bị y tế thay thế |  |
|  | Khác |  |
| 2 | Điện, nước và chi phí hậu cần khác | Chi phí điện, nước và chi phí hậu cần khác (thuộc nhóm này) tại bước 3 được phân bổ ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này. |
|  | Tiêu hao điện |  |
|  | Tiêu hao nước |  |
|  | Xử lý chất thải |  |
|  | Giặt là, hấp, sấy, khử khuẩn, Chống nhiễm khuẩn (VSMT) |  |
| 3 | Duy tu bảo dưỡng thiết bị y tế trực tiếp | Chi phí duy tu bảo dưỡng thiết bị y tế tại bước 3 được phân bổ tiếp ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này. |
| **II** | **Nhân công** |  |
| 1 | Trực tiếp | Chi phí nhân công tại bước 2 khoản 2 Phụ lục này. |
| 2 | Gián tiếp (chuẩn bị dụng cụ, nhân viên y công, hành chính khu PT…) | Chi phí nhân công tại bước 3 được phân bổ tiếp ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này. |
| 3 | Bồi dưỡng phẫu thuật, thủ thuật | Chi phí nhân công tại bước 2 khoản 2 Phụ lục này. |
| 4 | Nhân lực quản lý (dược, vật tư, kiểm soát nhiễm khuẩn, kế hoạch, tài chính kế toán….) | Chi phí nhân công tại bước 4, 5 được phân bổ tiếp ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này |
| **III** | **Quản lý** | Các chi phí vật tư, hóa chất tiêu hao chung tại bước 4, 5 được phân bổ tiếp ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này |
| 1 | Vật tư, hóa chất tiêu hao chung | Như trên |
| 2 | Điện, nước, vệ sinh môi trường chung | Như trên |
| 3 | Duy tu các thiết bị phụ trợ | Như trên |
| 4 | Quản lý khác | Như trên |
| **IV** | **Khấu hao** |  |
| 1 | Thiết bị trực tiếp (cần kê chi tiết các loại thiết bị và giá trị của các trang thiết bị sử dụng) | Chi phí khấu hao tại bước 2, 3 khoản 2 Phụ lục này. |
| 2 | Khấu hao các thiết bị phụ trợ | Các chi phí khấu hao thiết bị phụ trợ tại bước 4, 5 được phân bổ tiếp ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này. |
| 3 | Khấu hao cơ sở hạ tầng | Các chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng tại bước 2, 3, 4, 5 được phân bổ tiếp ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này. |
|  |  |  |
|  | Tổng chi phí (I+II+…+IV) |  |

**2. Các yếu tố chi phí, nhóm yếu tố chi phí được tính toán và phân bổ theo 6 bước:**

Bước 1: Xác định tổng chi phí của yếu tố, nhóm yếu tố chi phí cần tính toán của toàn bộ cơ sở (gọi chung là Tổng yếu tố chi phí (TCP)).

Bước 2: Tính chi phí trực tiếp thực hiện dịch vụ (CPttdv) và chi phí trực tiếp chênh lệch (CPttcl).

- Toàn bộ hoặc một phần chi phí được xác định tại bước 1 khoản này được tính toán cho tất cả các dịch vụ của tất cả các khoa, phòng dựa trên mức chi phí và định mức kinh tế kỹ thuật (nếu có).

- CPttdv được xác định theo mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức chi phí đó, bảo đảm nguyên tắc hiệu quả, phù hợp với hoạt động hiện tại của đơn vị, đạt chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và tiết kiệm. Trong trường hợp không thể tính được mức chi phí của đơn vị, thì sử dụng phương pháp so sánh với các đơn vị khác trên cùng địa bàn để xác định mức chi phí.

- CPttcl là khoản chênh lệch (nếu có) giữa chi phí của dịch vụ đã có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền quy định trừ (-) CPttdv được tính ở trên.

Bước 3: Tính chi phí trực tiếp sử dụng chung của các khoa, phòng (CPsdkp).

CPsdkp là toàn bộ chi phí sử dụng chung khi thực hiện các dịch vụ của khoa, phòng đó không bao gồm phần chi phí trực tiếp (CPttdv) của dịch vụ đã được tính tại bước 2 khoản này (chi phí dùng chung cho khoa, phòng gồm: chi phí thuốc, hóa chất, vật tư, văn phòng phẩm, chi phí khấu hao (tài sản cố định, thiết bị y tế) đang sử dụng, chi phí nhân lực hoặc chi phí khác dùng chung cho khoa, phòng) không bao gồm chi phí sử dụng trực tiếp cho người bệnh.

- CPsdkp bằng (=) tổng chi phí trực tiếp đã nhận về khoa, phòng trừ (-) tổng cộng chi phí trực tiếp (CPttdv) quy định tại bước 2 khoản này (nếu có).

- Các khoa, phòng không trực tiếp thực hiện dịch vụ thì CPsdkp được phân bổ theo quy định tại bước 5.

Bước 4: Phân bổ chi phí sử dụng cho các hoạt động chung toàn đơn vị (CPdc) cho tất cả các khoa, phòng.

CPdc = TCP xác định tại bước 1 khoản này trừ (-) CPttdv của toàn bộ các dịch vụ của đơn vị tại bước 2 khoản này và trừ (-) CPsdkp của toàn bộ các khoa, phòng của đơn vị tại bước 3 khoản này.

- CPdc phân bổ lại cho toàn bộ các khoa, phòng của đơn vị theo những tiêu chí được xác định tại Phụ lục này và tỷ lệ giữa các tiêu chí cho phù hợp với tính chất, đặc tính kỹ thuật, quản lý.

Bước 5. Phân bổ lại toàn bộ chi phí của các khoa, phòng không cung cấp dịch vụ cho các khoa, phòng trực tiếp cung cấp dịch vụ (CPpbl).

Toàn bộ CPsdkp tại bước 3 khoản này cộng (+) CPdc tại bước 4 khoản này của toàn bộ các khoa, phòng không trực tiếp cung cấp dịch vụ cho người bệnh sẽ được phân bổ lại cho các khoa, phòng trực tiếp cung cấp dịch vụ cho người bệnh theo các tiêu chí cụ thể được xác định tại Phụ lục này và tỷ lệ giữa các tiêu chí phù hợp với tính chất, chức năng quản lý, chức năng hỗ trợ của các nhóm khoa, phòng không trực tiếp cung cấp dịch vụ.

Bước 6. Phân bổ lại toàn bộ chi phí đã tính toán và phân bổ của khoa, phòng trực tiếp thực hiện dịch vụ cho từng dịch vụ của khoa, phòng đó (CPtkp).

- CPtkp bằng (=) CPsdkp được tính tại bước 3 khoản này, CPdc được tính tại bước 4 khoản này và CPpbl được tính tại bước 5 khoản này của khoa, phòng thực hiện dịch vụ được phân bổ lại theo từng dịch vụ của khoa phòng đó theo tiêu chí tổng số thời gian nhân công hoặc tổng số thời gian sử dụng máy hoặc kết hợp cả hai tiêu chí tùy theo đặc điểm, tính chất của chi phí cần phân bổ.

- Cách xác định các tiêu chí phân bổ như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số thời gian nhân công | = | Số lượng cán bộ thực hiện dịch vụ | x | Số thời gian nhân công của dịch vụ | x | Số lượng dịch vụ |

Chú ý: Thời gian thực hiện nhân công có thể được phân ra theo thời gian và số người cần thiết theo định mức kinh tế kỹ thuật hoặc mức hao phí của những người trực tiếp thực hiện dịch vụ và những người tham gia gián tiếp phục vụ hoặc tổng hợp chung.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số thời gian máy | = | Số lượng máy theo định mức sử dụng | x | Số thời gian sử dụng máy của dịch vụ | x | Số lượng dịch vụ |

**3. Giá thành toàn bộ của 1 dịch vụ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá thành toàn bộ của một dịch vụ (GTB) | = | CPttdv của dịch vụ | + | CPttcl của dịch vụ | + | CPtkp từ khoa phòng |

Trong đó

- CPttdv của dịch vụ là các chi phí trực tiếp của toàn bộ các yếu tố chi phí được đưa vào tính toán tại bước 2 khoản 2.

- CPttcl là các chi phí trực tiếp chênh lệch (nếu có) của toàn bộ các yếu tố chi phí được đưa vào tính toán tại bước 2 khoản 2.

- CPtkp từ khoa, phòng là các chi phí được phân bổ từ khoa, phòng thực hiện dịch vụ tại bước 6 khoản 2 của toàn bộ các chi phí được đưa vào tính toán và phân bổ.

**4. Các yếu tố chi phí và các tiêu chí phân bổ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên nhóm chi phí** | **Các yếu tố chi phí** | **Các tiêu chí phân bổ** |
| 1 | Tiền lương và phụ cấp | Tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản đóng góp | Số lượng cán bộ y tế. |
| 2 | Thu nhập khác | Các thu nhập khác theo quy định của người lao động | Số lượng cán bộ y tế. |
| 3 | Thuê nhân lực | Thuê nhân lực, chuyên gia; Thuê khoán chuyên môn; Phiên dịch, biên dịch. | Số lượng cán bộ y tế; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 4 | Bảo vệ nghề nghiệp | Đảm bảo vệ sinh an toàn lao động; Bảo vệ sức khỏe người lao động, dự phòng lây nhiễm HIV, tiêm chủng cho công chức, viên chức, người lao động; Chi phí mua bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh. | Số lượng cán bộ. |
| 5 | Vật tư, trang bị phục vụ hoạt động quản lý cho người lao động | Văn phòng phẩm; Vật tư (không dùng trong y tế); Phương tiện; Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động; Mua, in ấn, phô tô tài liệu, ấn phẩm dùng cho chuyên môn; Nhiên liệu, năng lượng; Xăng xe | Số lượng cán bộ y tế; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 6 | Đào tạo, nghiên cứu khoa học | Chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học; nhận chuyển giao các kỹ thuật, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn; Hội nghị, hội thảo; Công tác phí. | Số lượng cán bộ y tế. |
| 7 | Thuốc, hóa chất, vật tư | Chi phí thuốc, hóa chất, máu, chế phẩm máu; Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ; Chi phí vật tư y tế. | Số tiền thuốc, hóa chất, vật tư trực tiếp. |
| 8 | Điện, Nước | Điện, nước | Số lượng cán bộ y tế; Số thời gian dịch vụ (x) Số dịch vụ (x) Định mức. |
| 9 | Nước | Nước | Số lượng cán bộ y tế; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 10 | Môi trường | Xử lý chất thải; Vệ sinh môi trường; Kiểm soát nhiễm khuẩn; Quản lý chất lượng; Bảo vệ môi trường; Bảo đảm an ninh, an toàn người bệnh; Phòng cháy, chữa cháy… | Số lượng cán bộ y tế; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 11 | Bảo dưỡng, sửa chữa, mua thay thế công cụ, thiết bị | Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị; Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị; Mua thay thế công cụ, dụng cụ, thiết bị; Bảo hiểm tài sản; | Giá trị thiết bị; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 12 | Công nghệ thông tin | Ứng dụng công nghệ thông tin; Dịch vụ viễn thông, bưu chính. | Số lượng cán bộ y tế; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 13 | Khấu hao thiết bị | Khấu hao thiết bị y tế; thiết bị khác. | Giá trị thiết bị; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 14 | Khấu hao hạ tầng cơ sở vật chất | Khấu hao cơ sở hạ tầng | Diện tích sử dụng trực tiếp của khoa phòng; Số cán bộ. |
| 15 | Truyền thông, khen thưởng | Truyền thông, khen thưởng; Quảng bá hình ảnh; Giá trị thương hiệu. | Tổng số tiền được phân bổ của từng khoa, phòng. |
| 16 | Chi phí hư hao | Chi phí hao hụt, bảo quản, hủy thuốc, vật tư, hóa chất, thiết bị; Chi phí về thanh lý, xử lý tài sản. | Tổng số tiền thuốc, vật tư của khoa phòng đã nhận; Giá trị thiết bị… |
| 17 | Các khoản chi khác | Các khoản chi phí khác | Số cán bộ; Số khám; Số ngày giường; Số dịch vụ. |
| 18 | Nhóm khoa phòng quản lý chung | Phòng lãnh đạo bệnh viện, phòng tổ chức cán bộ,... | Số lượng cán bộ. |
| 19 | Nhóm khoa phòng chuyên môn nghiệp vụ y tế | Phòng điều dưỡng, phòng kế hoạch tổng hợp, công nghệ thông tin, phòng chống nhiễm khuẩn, phòng dinh dưỡng, phòng chỉ đạo tuyến, công tác xã hội … | Số lượng cán bộ y tế; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 20 | Nhóm khoa phòng về Tài chính, kế toán | Phòng tài chính kế toán, phòng giá, bộ phận đấu thầu … | Số cán bộ; Doanh thu của các bộ phận. |
| 21 | Nhóm khoa phòng về thiết bị | Phòng quản lý thiết bị y tế, phòng quản lý tài sản … | Giá trị thiết bị. |
| 22 | Nhóm khoa phòng về dược, vật tư y tế, hóa chất | Khoa dược, phòng vật tư, phòng hóa chất … | Tiền dược, tiền hóa chất, tiền vật tư. |

- Các yếu tố chi phí có thể được gộp lại thành nhóm và phân bổ chung hoặc có thể theo từng yếu tố chi phí của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

- Các tiêu chí phân bổ có thể sử dụng độc lập, có thể kết hợp với nhau khi phân bổ các yếu tố chi phí.